



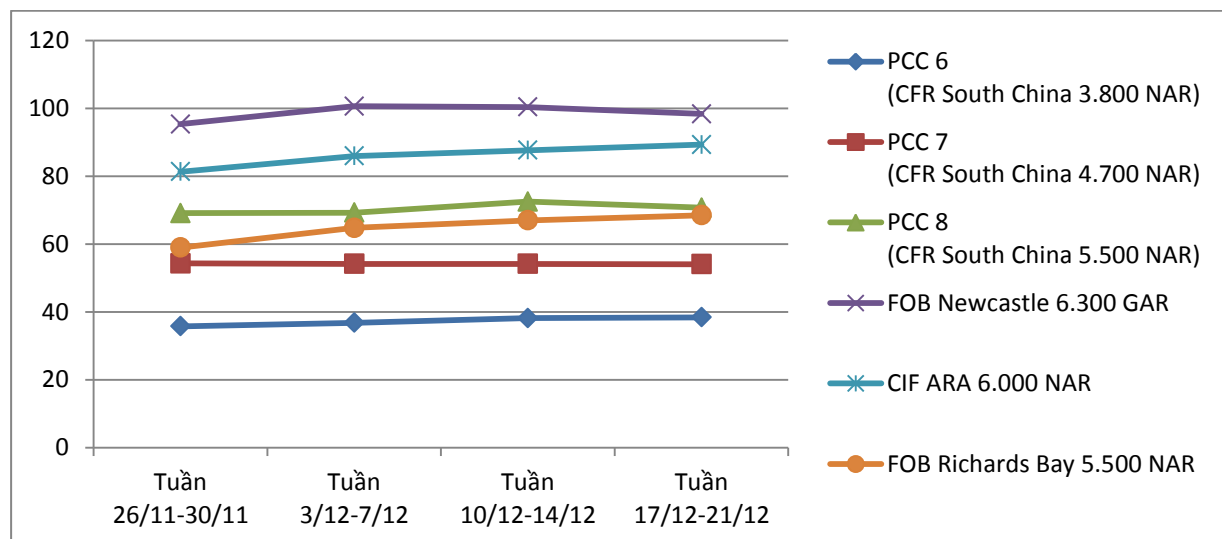
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**  
**BẢN TIN THAN TUẦN 3 - THÁNG 12**  
 (Từ 17/12 – 21/12)

**I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN**

**1. GIÁ THAN KHU VỰC**

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá	Tuần 26/11-30/11	Tuần 3/12-7/12	Tuần 10/12-14/12	Tuần 17/12-21/12
<b>PCC 6</b> (CFR South China 3,800 NAR)	35,75	36,77	38,14	38,36
<b>PCC 7</b> (CFR South China 4,700 NAR)	54,25	54,12	54,14	54,02
<b>PCC 8</b> (CFR South China 5,500 NAR)	69,1	69,22	72,48	70,68
<b>FOB Newcastle 6,300 GAR</b>	95,32	100,6	100,37	98,33
<b>CIF ARA 6,000 NAR</b>	81,28	85,94	87,64	89,29
<b>FOB Richards Bay 5,500 NAR</b>	58,96	64,75	66,95	68,47
<b>NEWC</b> (FOB Newcastle 6000 NAR)	99,95	101,95	102,40	100,56



**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 3 tháng 12 (2018)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

## 2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 3 tháng 12	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	10,60	N/A	N/A	10,60	10,40
2	Queensland – Nhật Bản	12,20	N/A	N/A	12,20	12,00
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,05	N/A	N/A	13,05	12,85
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,70	N/A	N/A	12,80	12,80
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,80	N/A	N/A	8,95	8,80
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,90	N/A	N/A	13,00	13,00
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,40	N/A	N/A	7,55	7,40
5	Úc - Trung Quốc	12,15	N/A	N/A	12,30	12,30
6	Úc - Ấn Độ	13,15	N/A	N/A	13,40	13,40

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Nhập khẩu than trong tháng 11 của Việt Nam đạt mức 2,17 triệu tấn

Việt Nam đã nhập khẩu 2,17 triệu tấn than trong tháng 11, chủ yếu là than nhiệt và than cốc, tăng 51,2% so với cùng kỳ năm 2017, theo dữ liệu của Hải quan Việt Nam hôm thứ 2 (10/12). Tổng khối lượng than nhập khẩu đạt 214,1 triệu tấn, tăng 23,9% so với năm ngoái. Indonesia là nước cung ứng than lớn nhất trong tháng 11 với 1,195 triệu tấn, tăng 51,8% so với năm ngoái, theo sau đó là Australia và Nga. Trong giai đoạn tháng 1 đến tháng 11, Việt Nam đã nhập khẩu 20 triệu tấn than, tăng 52,8% so với năm ngoái, chủ yếu từ Indonesia, Australia và Nga. Giá trị than nhập khẩu đạt 2,26 tỷ USD, tăng 65,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 163.094 tấn than trong tháng 11, chủ yếu là than anthracite, giảm 51,5% so với năm ngoái, và chủ yếu tới Nhật Bản. Khối lượng than xuất khẩu đạt 21,5 triệu tấn, giảm 43,1% so với năm ngoái và giảm 33,9% so với tháng 10. Trong giai đoạn tháng 1 đến tháng 11, Việt Nam đã xuất khẩu gần 2,2 triệu tấn than, tăng 11,5% so với năm ngoái, chủ yếu tới Nhật Bản và Hàn Quốc. Giá trị lượng than xuất khẩu đạt 295,1 triệu USD, tăng 14,7% so với năm ngoái. Than trong nước chủ yếu được tiêu thụ bởi các NMNĐ, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

### Nhập khẩu than của Việt Nam trong tháng 11 theo nước

	Tháng 11/2018	Tháng 11/2017	Thay đổi theo năm	Tháng 10/2018	Thay đổi theo tháng
<b>Indonesia</b>	1.195.175	787.595	51,75%	944.033	26,60%
<b>Australia</b>	374.176	356.679	4,91%	808.071	-53,70%
<b>Nga</b>	361.663	138.250	161,60%	147.577	145,07%
<b>Trung Quốc</b>	97.403	65.813	48,00%	70.567	38,03%
<b>Nhật Bản</b>	5.304	–	–	6	883%
<b>Malaysia</b>	1.845	65.850	-97,20%	50.945	-96,38%

<b>Tổng</b>	2.167.870	1.433.548	51,22%	2.168.346	-0,02%
-------------	-----------	-----------	--------	-----------	--------

**Nhập khẩu than của Việt Nam từ tháng 1 đến tháng 11 theo nước**

	<b>Tháng 1 – 11/2018</b>	<b>Tháng 1 – 11/2017</b>	<b>Thay đổi theo năm</b>
<b>Indonesia</b>	10.177.803	5.240.385	94,22%
<b>Australia</b>	5.004.734	3.478.631	43,87%
<b>Nga</b>	2.394.666	2.168.294	10,44%
<b>Trung Quốc</b>	863.684	982.744	-12,12%
<b>Malaysia</b>	277.310	238.852	16,10%
<b>Nhật Bản</b>	25.452	5.410	370,46%
<b>Tổng</b>	<b>20.001.971</b>	<b>13.091.109</b>	<b>52,79%</b>

**Xuất khẩu than của Việt Nam trong tháng 11 theo nước**

	<b>Tháng 11/2018</b>	<b>Tháng 11/2017</b>	<b>Thay đổi theo năm</b>	<b>Tháng 10/2018</b>	<b>Thay đổi theo tháng</b>
<b>Nhật Bản</b>	55.160	58.526	87,87%	25.500	331,19%
<b>Philippines</b>	27.500	10.470	456,83%	21.752	168,02%
<b>Indonesia</b>	24.000	8.395	477,36%	2.200	2103,14%
<b>Hàn Quốc</b>	8.800	10.170	-13,47%	-	-
<b>Thái Lan</b>	7.395	8.250	-10,36%	7.325	0,96%
<b>Trung Quốc</b>	3.644	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>163.094</b>	<b>333.352</b>	<b>-51,07%</b>	<b>246.872</b>	<b>-33,94%</b>

**Xuất khẩu than của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm theo nước**

	<b>Tháng 1 – 11/2018</b>	<b>Tháng 1 – 11/2017</b>	<b>Thay đổi theo năm</b>
<b>Nhật Bản</b>	864.918	906.477	-4,58%
<b>Hàn Quốc</b>	398.081	191.406	107,98%
<b>Thái Lan</b>	177.034	150.951	17,28%
<b>Indonesia</b>	173.229	91.851	88,60%
<b>Malaysia</b>	100.137	171.302	-41,54%
<b>Ấn Độ</b>	91.942	59.525	54,46%
<b>Philippines</b>	54.901	55.028	-0,23%

<b>Đài Loan</b>	24.495	57.024	-57,04%
<b>Lào</b>	22.280	60.478	-63,16%
<b>Thụy Sĩ</b>	17.599	-	-
<b>Trung Quốc</b>	6.567	16.240	-59,56%
<b>Tổng</b>	<b>2.198.109</b>	<b>1.971.991</b>	<b>11,47%</b>

(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))

### **Mitsubishi bán cổ phần còn lại tại các mỏ than cho Glencore**

Tập đoàn Mitsubishi của Nhật Bản sẽ bán cổ phần tại các mỏ than nhiệt Clermont và Ulan cho Glencore và công ty liên danh giữa Glencore và Sumitomo Corp. Mitsubishi hôm thứ 3 (18/12) cho biết thương vụ trên là một phần của chiến lược tối ưu hóa danh mục đầu tư tài sản. Tập đoàn này đã bán cổ phần tại các mỏ Australia Hunter Valley và Warkworth trong năm ngoái.

Mitsubishi sẽ bán cổ phần tại mỏ Clermont có năng suất 12 triệu tấn/năm tại Queensland, cho GS Coal, một công ty liên danh giữa Glencore và tập đoàn Sumitomo. Khi thương vụ trên hoàn thành, GS Coal sẽ sở hữu 81,5% cổ phần, với J-Power Australia giữ 15% và JCD Australia giữ 3,5%. Mitsubishi cũng sẽ bán 10% cổ phần mỏ Ulan năng suất 11 triệu tấn/năm tại New South Wales cho Glencore, thương vụ trên sẽ giúp Glencore hoàn toàn sở hữu mỏ này. Glencore sẽ có quyền vận hành và marketing cho cả hai mỏ trên, điều này giúp củng cố danh mục và vị thế đứng đầu của Glencore trên thị trường than nhiệt độ tro cao tại Australia về lâu dài. Than của Glencore bán ra trên thị trường đường biển có nhiệt trị trung bình 5.800 kcal/kg NAR, cao hơn so với mức trung bình toàn cầu là khoảng 5.200 kcal/kg NAR. Thêm vào đó, sản lượng từ các mỏ than nhiệt của Glencore trong năm 2017 đạt gần 100 triệu tấn, công ty đứng thứ 2 là Yancoal có sản lượng khoảng 30 triệu tấn.

### **Cảng than Abbot Point Coal của Australia phải đóng cửa do bão lớn**

Cơ sở hạ tầng cảng tiếp nhận than tại Queensland, Australia đã tránh được cơn bão nhiệt đới Owen với việc chỉ có cảng Abbot Point công suất 50 triệu tấn/ngày phải đóng cửa vài ngày cuối tuần thứ 2 của tháng 12. Cảng than Abbot Point đã hoạt động trở lại vào thứ 2 (17/12) sau khi Cục Khí tượng Thủy văn thông báo dư chấn của cơn bão Owen đã di chuyển dần ra khỏi bờ biển của Queensland gần khu vực Mackay. Cảng đã phải đóng cửa từ giữa đêm thứ 6 giờ địa phương (14/12). Vào khoảng 8 giờ 40 sáng ngày thứ 2 (17/12), công ty vận tải đường sắt Aurizon được thông báo cảng đã hoạt động và có thể tiếp tục dỡ than khỏi tàu hỏa. Báo cáo cho biết: “Trung tâm than của Queensland đã mở và hoạt động trong cả cuối tuần vừa qua”.

Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 11, cảng than Abbot Point đã vận hành với công suất 29,83 triệu tấn/năm. Con số này tương đương 82.000 tấn/ngày, tính ra hai ngày đóng cửa tại cảng mất khoảng 163.440 tấn. Cơn bão nhiệt đới Owen đã tiến vào bờ biển phía Đông Queensland cuối thứ 7 (15/12) sau khi tràn qua khắp khu vực miền Bắc của bang. Cơn bão nhiệt đới cấp 3 có vị trí cách đất liền 70 km về phía Nam Kowanyama vào khoảng 3 giờ sáng (theo giờ Australia) thứ 7 (15/12).

(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))